

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/HS-ST
Ngày 28-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thành Nghĩa.

2. Bà Trần Thị Minh Tâm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thanh Trúc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Ông Ngô Hồng Tuân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2024/TLST- HS, ngày 12 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 44/2024/QĐXXST- HS ngày 15 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1997 tại **huyện T, tỉnh Bình Định**; nơi cư trú: **Khu phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định**; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 1971 và bà **Trần Thị Xuân D**, sinh năm 1970; vợ, con: Chưa có; Tiền án: Không; tiền sự: Không. Về nhân thân: Ngày 02/3/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xử phạt 03 tháng tù về tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 205 Bộ luật Hình sự năm 1999, chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/7/2015; ngày 05/6/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/3/2020; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- **Bị hại:** Vợ chồng anh **Nguyễn Thành L**, sinh năm 1991; chị **Trần Thị Kim H1**, sinh năm 1991; Đồng trú tại **khu phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định**. Anh **Nguyễn Thành L** có mặt; chị **Trần Thị Kim H1** vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Đỗ Tiến Q**, sinh năm 1976; nơi cư trú: **Số B Đ, khu phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định**; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Anh **Đặng Hữu P1**, sinh năm 1997; có mặt.
2. Chị **Nguyễn Thị Mỹ L1**, sinh năm 1993; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 17/9/2023, bị cáo **Nguyễn Ngọc P** đi bộ ra phía trước nhà ông **Nguyễn Ngọc H** (ông **H** là cha ruột của bị cáo **P**) thì thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại JUPITER, màu sơn Đen Đỏ, biển số 77G1-366.41 của anh **Nguyễn Thành L** đang dựng tại đây (anh **L** là anh ruột của bị cáo **P**) nhưng không có người trông coi nên bị cáo **P** nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe mô tô này để đem đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Lúc này, bị cáo **P** đến tủ đồ của nhà ông **H** lục tìm lấy chìa khóa xe của anh **L** gắn vào ổ khóa xe, rồi lén lút lấy trộm xe của anh **L**.

Sau khi trộm cắp được xe mô tô biển số 77G1-366.41, bị cáo **P** điều khiển đến nhà anh **Đặng Hữu P1** để nhờ anh **P1** đem xe mô tô trên đến **tiệm S** do ông **Đỗ Tiến Q** làm chủ ở **khu phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định** cầm cố giùm bị cáo **P**. Lúc này, anh **P1** hỏi bị cáo **P** “Xe của ai, có giấy tờ không” thì bị cáo **P** trả lời “Xe của anh hai (tức anh **Nguyễn Thành L**) nhưng giấy tờ xe anh hai mang theo đi làm ở Phú Yên”. Do xe không có giấy tờ nên anh **P1** không đồng ý đem đi cầm cố. Sau đó, bị cáo **P** điều khiển xe mô tô biển số 77G1-366.41 một mình đi đến tiệm sửa xe của ông **Q** để cầm cố. Tại đây, ông **Q** hỏi xe của ai thì bị cáo **P** nói “Xe của anh hai em nên không mang theo giấy tờ”, nhìn đặc điểm xe thì ông **Q** biết đây là xe của anh **L** nhưng do xe không có giấy tờ nên ông **Q** không đồng ý nhận cầm cố. Lúc này, bị cáo **P** gọi điện nhờ anh **P1** giả làm anh **L** nói chuyện với ông **Q** để ông **Q** tin tưởng cho bị cáo **P** nhận cầm cố xe. Vì nghĩ rằng xe mô tô trên anh **L** đã đưa cho bị cáo **P** để đem đi cầm nên anh **P1** đồng ý giúp bị cáo **P**. Sau đó, bị cáo **P** đưa điện thoại cho ông **Q** nói chuyện với anh **P1**. Qua điện thoại, anh **P1** nói với ông **Q** “Em **L** nè, anh cho thằng **P** cầm xe chứ em đang đi làm ở Phú Yên mang theo giấy tờ xe, chiều về em chuộc lại”. Nghe anh **P1** nói như vậy thì ông **Q** tin rằng anh **L** đã chấp nhận cho bị cáo **P** cầm xe mô tô trên nên đồng ý cho bị cáo **P** cầm xe mô tô với số tiền 2.000.000 đồng. Số tiền có được từ việc cầm cố xe bị cáo **P** đã tiêu xài cá nhân hết.

Theo kết luận định giá tài sản số 111/KL-HĐĐGTS ngày 11/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự **huyện T** kết luận thì chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại JUPITER, màu sơn Đen Đỏ, biển số 77G1-366.41, số khung 1310FY021273, số máy E3S1E023478 tại thời điểm bị xâm phạm trị giá 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện T** đã tạm giữ và xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô biển số 77G1-366.41 nêu trên cho chủ sở hữu là anh **Nguyễn Thành L**.

Về dân sự: Anh Nguyễn Thành L không yêu cầu bồi thường thiệt hại; ông Đỗ Tiến Q yêu cầu bị cáo Nguyễn Ngọc P bồi thường số tiền 2.000.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Ngọc P đã bồi thường số tiền trên cho ông Q, ông Q không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số 21/CT-VKS-TP ngày 07 tháng 3 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc P về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về bồi thường thiệt hại: Đề nghị không xem xét.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

Bị cáo không tự bào chữa và không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo Nguyễn Ngọc P nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục mà Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Luận tội của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tại phiên tòa căn cứ vào các chứng cứ mà Cơ quan điều tra Công an huyện T, tỉnh Bình Định đã thu thập và đã được kiểm tra tại phiên tòa để xác định với mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác để có tiền tiêu xài cá nhân nên vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 17 tháng 9 năm 2023, bị cáo Nguyễn Ngọc P thực hiện hành vi trộm cắp tài sản một chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại JUPITER, màu sơn Đen Đỏ, biển số 77G1-366.41 có giá trị thành tiền 8.000.000 đồng của vợ chồng anh Nguyễn Thành L, chị Trần Thị Kim H1 tại địa chỉ khu phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định.

[3] Bị cáo **Nguyễn Ngọc P** không tranh luận gì với Kiểm sát viên và cũng không đưa ra chứng cứ nào để bào chữa cho hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng và phù hợp với những chứng cứ đã thu thập nên lời khai nhận tội của bị cáo là có căn cứ.

[4] Xét tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo **Nguyễn Ngọc P** là người có khả năng nhận thức được hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác là hành vi nguy hiểm cho xã hội và nhận thức được hậu quả của hành vi đó sẽ gây thiệt hại đến tài sản của người khác. Nhận thức được như vậy nhưng vì bị cáo muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại JUPITER, màu sơn Đen Đỏ, biển số 77G1-366.41 của vợ chồng anh **Nguyễn Thành L**, chị **Trần Thị Kim H1**. Tài sản mà bị cáo trộm cắp có giá trị 8.000.000 đồng nên hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo thực hiện hành vi cố ý xâm phạm đến tài sản của người khác; hành vi của bị cáo thực hiện gây mất an ninh, trật tự nơi xảy ra vụ án.

[6] Xét các tình tiết tăng nặng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân người phạm tội. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cụ thể tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã bồi thường cho ông **Đỗ Tiến Q** số tiền 2.000.000 đồng nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nhân thân không tốt.

[7] Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, lẽ ra xử phạt tù có thời hạn đối với bị cáo với mức hình phạt nghiêm khắc nhưng xét thấy bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như trên. Do đó khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo nhằm mục đích giáo dục bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[8] Xét về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an huyện T** đã ra Quyết định xử lý vật chứng đã trả lại tài sản cho bị hại. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

[9] Xét về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 “Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”, nhưng xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Xét về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo **Nguyễn Ngọc P** phải chịu số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

[11] Đối với ông **Đỗ Tiến Q** khi nhận cầm cố xe mô tô biển số 77G1-366.41 do bị cáo **Nguyễn Ngọc P** mang đến, ông **Q** hỏi về nguồn gốc xe thì bị cáo **P** nói xe của anh **L** nhưng giấy tờ xe anh **L** mang theo đi làm ở Phú Yên nên ông **Q** không đồng ý nhận cầm cố xe. Sau đó, bị cáo **P** nhờ anh **Đặng Hữu P1** giả làm anh **L** nói chuyện qua điện thoại với ông **Q** thì ông **Q** tin anh **L** đã đồng ý đưa xe cho bị cáo **P** đi cầm cố, ông **Q** không biết tài sản trên do bị cáo **P** trộm cắp mà có. Đối với anh **Đặng Hữu P1** có hành vi giúp bị cáo **Nguyễn Ngọc P** giả làm anh **Nguyễn Thành L** nói chuyện qua điện thoại với ông **Đỗ Tiến Q** để ông **Q** tin tưởng cho bị cáo **P** cầm cố xe mô tô biển số 77G1-366.41 nhưng anh **P1** không biết chiếc xe mô tô biển số 77G1-366.41 là do bị cáo **P** trộm cắp mà có, anh **P1** cũng không hưởng lợi gì từ việc giúp bị cáo **P** nói chuyện với ông **Q**. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện T** không xử lý hình sự đối với ông **Đỗ Tiến Q** và anh **Đặng Hữu P1** là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 135, 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào các điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Ngọc P** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc P** 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo **Nguyễn Ngọc P** bị bắt đi chấp hành hình phạt tù.

3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo **Nguyễn Ngọc P** bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo **Nguyễn Ngọc P** phải nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại anh **Nguyễn Thành L** có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 28 tháng 3 năm 2024). Bị hại chị **Trần Thị Kim H1**; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định;
- Công an huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Công Minh

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thành Nghĩa Trần Thị Minh Thâm Văn Công Minh

